TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày: 05/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Bé.

2/ Ông Võ Thành Trung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 02 và các ngày 01, 02, 05 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2017/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn C, sinh năm 1972; Nơi đăng ký thường trú: Khu Vực 2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Khu Vực 2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1945 và bà Trần Thị T, sinh năm 1951; Bản thân bị cáo: có vợ tên Nguyễn Thị Á, sinh năm 1971 và 04 con lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 (đã tử vong);

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Triết: Bà Lê Thị S, sinh năm 1952 (Vợ ông T) có mặt;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Minh V, sinh năm 1979;

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977;

- Ông Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1989;

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An.

Các ông T1, ông T2, bà D vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ; ông V có mặt.

Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1997; Khu vực 2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; (Có mặt).

- Ông Dương Tấn Ph, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An; (Vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/5/2017, bị cáo Lê Văn C điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8- 0537 do C làm chủ sở hữu chở một cây hoa Mai từ huyện T về huyện Đ, do cây hoa Mai có kích thước lớn nên phần nhánh của cây hoa Mai dư ra phía sau thùng xe là 2,2(m). Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, C đang điều khiển xe đến Km 04 + 500m, Đường tỉnh 836 thuộc Khu phố 1, thị trấn T, huyện TH, do bánh xe bên phải phía sau bị thủng lốp nên C cho xe đỗ vào bên phải hướng đi để tìm thợ vá xe. Khi đỗ xe trên đường, C không đặt tín hiệu báo cho những người điều khiển phương tiện khác biết, không đặt biển báo hiệu nguy hiểm phía trước và phía sau xe; trên xe có chở hàng hóa vượt phía sau xe nhưng khi trời tối C không đặt đèn báo hiệu. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949; Cư trú tại Khu phố 3, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An điều khiển xe đạp điện đi từ hướng Quốc lộ N2 vào chợ Tuyên Nhơn, thị trấn T, huyện TH va chạm vào phía sau xe của C đỗ trên đường. Hậu quả, ông Nguyễn Văn T tử vong. Hồ sơ thể hiện tại bút lục số: 50 đến 85.

Qua quá trình điều tra xác định bị cáo Lê Văn C không có giấy phép lái xe theo quy định, xe của bị cáo không có giấy đăng ký xe.

Về nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn như sau:

- Do Lê Văn C vi phạm các quy định tại các Điểm a, d Khoản 3 Điều 18 và Khoản 2 Điều 20 Luật Giao thông đường bộ, dẫn đến hậu quả Nguyễn Văn T tử vong cụ thể như sau:

Tại Điểm a Khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ quy định: Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện quy định sau đây: "Có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết".

Tại Điểm d Khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ quy định: "Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết".

Tại Khoản 2 Điều 20 Luật Giao thông đường bộ quy định: "Khi xếp hàng hóa vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ, ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu".

- Do một phần lỗi của bị hai chạy xe đạp điện ban đêm không bật đèn chiếu sáng và điều khiển xe khi có nồng độ cồn là 190,94mg/100ml.

Tại Bản cáo trạng số: 26/QĐ-KSĐT ngày 02 tháng 10 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "*Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình Sự 1999.

Sau khi xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả xảy ra, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố căn cứ vào các quy định của pháp luật và quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn về kinh tế được chính quyền địa phương xác nhận; do một phần lỗi của bị hại; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo phạm tội với lỗi vô ý cả về hành vi và hậu quả được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về hình phạt: Căn cứ các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình Sự 1999 xử phạt bị cáo Lê Văn C mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị S, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan những khoản chi phí hợp lý sau: Tiền mua quan tài 35.000.000đ; Tiền mua thực phẩm để nấu và làm lễ tang và Tiền tổn thất tinh thần là là 54.500.000đ; Tiền kèn 5.000.000đ;

Trống đờn 6.000.000đ; tiền rạp 1.500.000đ. Cộng các khoản là 102.000.000đ (một trăm linh hai triệu đồng) có khấu trừ cho bị cáo số tiền mà bị cáo đã khắc phục cho gia đình người bị hại là 13.000.000đ, còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp là 89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận bị cáo dừng đỗ xe trên đường khi trên xe có chở hàng hóa vượt quá kích thước xe nhưng không tuân thủ quy định về an toàn giao thông nên Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là không oan.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, nhưng bị cáo tranh luận hành vi của bị cáo là do lỗi vô ý và do lỗi của người bị hại nên hình phạt tù và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là quá nghiêm khắc nên bị cáo xin được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại; Những ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tai nạn xảy ra trước hết do bị cáo vi phạm quy định về an toàn giao thông và thừa nhận một phần do lỗi của bị hại là điều khiển xe khi trời tối không mở đèn chiếu sáng và có nồng độ cồn trong máu là 190,94mg/100ml. Tại phiên tòa bà S và ông V yêu cầu các khoản bồi thường bao gồm: Tiền mua quan tài 35.000.000đ; Tiền mua thực phẩm để nấu và làm lễ tang và Tiền tổn thất tinh thần là là 50.000.000đ; Tiền kèn 5.000.000đ; Trống đờn 6.000.000đ; tiền rạp 1.500.000đ; Tiền làm mồ mã, kim tĩnh 150.000.000đ. Cộng các khoản là 247.000.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) có khấu trừ cho bị cáo số tiền mà bị cáo đã khắc phục cho gia đình bà là 13.000.000đ, còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp là 234.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng). bà S và ông V thống nhất với ý kiến luận tội của Viện kiểm sát và không có tranh luật gì.

Ngươi làm chứng ông P thừa nhận khi bị cáo còn đậu xe không chấp hành những quy định về an toàn, chỉ có ông đứng cảnh giới ở phía sau xe, nhưng ông không cảnh giới thường xuyên mà đi ra đi vào. Khi trời tối không có làm tín hiệu báo nguy hiểm theo quy định. Đối với người làm chứng là ông Dương Tấn Ph mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên qua lời khai tại cơ quan điều tra ông Ph xác định khi nghe có tiếng va chạm lớn do tai nạn xảy ra ông liền ra xem và cùng ông P đưa bị hại đi cấp cứu, ông Ph thấy xe mô tô ba bánh của bị cáo C bị hỏng đỗ trên đường bên phải hướng đi nhưng không có đặt vật hay biển báo hiệu nguy hiểm trước và sau xe, trên xe có chở cây Mai lớn dài vượt quá phía sau xe nhưng khi trời tối không có đèn báo hiệu; xe đạp điện của bị hại T không mở đèn chiếu sáng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Tai nạn xảy ra là ngoài ý muốn của bị cáo cũng như gia đình bị hại, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc, giáo dục các con của bị cáo và đi làm để bồi thường cho gia đình người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện là đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng nên là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C thừa nhận bị cáo không có giấy phép lái xe nhưng điều khiển xe mô tô biển số 61L8 - 0537 có dung tích xi lanh 200cm^3, khi điều khiển xe đến Km 04 + 500m, Đường tỉnh 836 thuộc Khu phố 1, thị trấn T, huyện TH, do bánh xe bên phải phía sau bị thủng lốp nên C cho xe đỗ vào bên phải hướng đi để tìm thợ vá xe. Khi C đỗ xe trên đường, C đã không đặt tín hiệu báo cho những người điều khiển phương tiện khác biết, không đặt biển báo hiệu nguy hiểm phía trước và phía sau xe, trên xe có hàng hóa vượt phía sau xe nhưng khi trời tối C không đặt đèn báo hiệu theo quy định của Luật giao thông đường bộ nên đã vi phạm Điểm a, d Khoản 3 Điều 18; Khoản 2 Điều 20 Luật Giao thông đường bộ. Hậu quả là đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949; Cư trú tại Khu phố 3, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An điều khiển xe đạp điện đi từ hướng Quốc lộ N2 vào chợ Tuyên Nhơn, thị trấn T, huyện TH va chạm vào phía sau xe của C đỗ trên đường. Hậu quả, ông Nguyễn Văn T tử vong.

Bị cáo đồng ý với các Kết luận giám định về dấu vết sơn dính trên càng thắng xe đạp điện của bị hại là của xe mô tô biển số 61L8 - 0537 của bị cáo để khẳng định tai nạn xảy ra là do xe đạp điện của bị hại va chạm với xe mô tô của bị cáo; kết luận giám định nguyên nhân tử vong của bị hại, nồng độ cồn trong máu của bị hại; các bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường không có khiếu nại thắc mắc gì.

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 19 giờ và sơ đồ vụ tai nạn giao thông lúc 18 giờ 45 phút ngày 22/5/2017, phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Văn C phạm tội "*Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hoá truy tố bị cáo C với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn C gây ra là nguy hiểm, bị cáo biết và pháp luật buộc bị cáo phải biết khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân theo các qui định về an toàn giao thông của Luật giao thông đường bộ. Thế nhưng, bị cáo chưa có giấy phép lái xe mô tô mà lại sử dụng xe mô tô có dung tích xilanh 200cm^3, nên khi xe bị cáo bị hỏng, trên xe chở hàng hóa vượt kích thước xe, bị cáo dừng đỗ xe nhưng không tuân thủ quy định về an toàn giao thông dẫn đến gây tai nạn, là hành vi xâm phạm trật tự an toàn giao thông, xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cần nghiêm trị.

Song, khi quyết định hình phạt thấy rằng bị cáo: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn về kinh tế được chính quyền địa phương xác nhận; do một phần lỗi của bị hại; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Do đó, xét đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng nên chấp nhận.

Thế nên, khi quyết định hình phạt có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Thấy rằng, về hình phạt không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, bị cáo đủ điều kiện để cho hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 BLHS. Cho nên, lời đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là chưa phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, giữa bị cáo với người đại diện hợp pháp cho người bị hại, cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thỏa thuận được với nhau mức bồi thường. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của gia đình bị hại và đề nghị của Kiểm sát viên, thấy rằng trong các khoản mà gia đình bị hại yêu cầu và đề nghị của Kiểm sát viên có một số khoản là quá cao, chưa hợp lý, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị S cùng các con của bà S và ông T gồm có ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Minh V, ông Nguyễn Quốc T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D các khoản chi phí hợp lý theo quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự như sau: Tiền mua quan tài 35.000.000đ; Tiền mua thực phẩm để nấu và làm lễ tang là 14.000.000đ; Tiền kèn 5.000.000đ; Trống đờn 4.500.000đ; tiền rạp 1.500.000đ; Tiền tổn thất tinh thần là 40.000.000đ. Cộng các khoản là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) có khấu trừ cho bị cáo số tiền mà bị cáo đã khắc phục cho gia đình người bị hại là 13.000.000đ, còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp là 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 của Điều luật có quy định hình phạt bổ sung nhưng do bị cáo làm nghề mua bán, không thuộc trường hợp phải chịu hình phạt bổ sung do đó không áp dụng đối với bị cáo.

Về tang vật chứng trong vụ án:

Xe đạp điện của ông Nguyễn Văn T cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lê Thị S xong; Xe mô tô ba bánh biển số 61L8-0537 của bị cáo Lê Văn C do không có giấy đăng ký xe hợp pháp nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng giao cho Cơ quan cảnh sát giao thông công an huyện Thạnh Hóa xử lý theo quy định là phù hợp, nên không xem xét lại.

Đối với các mẫu vật chứng là dấu vết thu giữ tại hiện trường gồm các mẫu sơn, càng thắng xe đạp diện của ông T do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội "*Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"*

Căn cứ điểm c Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 để áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; Điều 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2018).Giao bị cáo Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 591, 601 Bộ luật Dân Sự buộc bị cáo C phải bồi thường cho bà Lê Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các khoản sau: Tiền mua quan tài 35.000.000đ; Tiền mua thực phẩm để nấu và làm lễ tang là 14.000.000đ; Tiền kèn 5.000.000đ; Trống đờn 4.500.000đ; tiền rạp 1.500.000đ; Tiền tổn thất tinh thần là 40.000.000đ. Cộng các khoản là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) có khấu trừ cho bị cáo số tiền mà bị cáo đã khắc phục cho gia đình người bị hại là 13.000.000đ, còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp là 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật chứng trong vụ án:

Xe đạp điện của ông Nguyễn Văn T cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lê Thị S xong, xe mô tô ba bánh của bị cáo Lê Văn C do không có giấy đăng ký xe hợp pháp nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng giao cho Cơ quan cảnh sát giao thông công an huyện Thạnh Hóa xử lý theo quy định là phù hợp, nên không xem xét lại.

Đối với các mẫu vật chứng là dấu vết thu giữ tại hiện trường gồm: Mẫu sơn màu xanh thu ở mặt ngoài cạnh thùng xe bên trái xe mô tô ba bánh biển số 61L8-0537; Mẫu sơn màu xanh đen, thu ở mặt ngoài chốt nâng đỡ cạnh thùng xe bên trái phía sau xe mô tô ba bánh biển số 61L8-0537; 01 càng thắng bên phải xe đạp điện ở mặt ngoài của phần đầu càng thắng có đấu vết trầy xước dính chất dạng sơn màu xanh đen do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy (Các vật chứng này hiện được quản lý tại kho của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa).

Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 20 Luật phí, và lệ phí; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các điểm c, g Khoản 1 Điều 23; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 4.350.000đ (bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo đang gặp khó khăn nên giảm cho bị cáo 50% án phí, bị cáo còn phải tiếp nộp 2.175.000đ (hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm xét xử công khai bị cáo Lê Văn C, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Công an huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Những người TGTT khác;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Đình Ngân